TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2024/DS-PT
Ngày 19-4-2024
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Công

Ông Nguyễn Đức Cảnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định*:** Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/TCDS-ST ngày 24/01/2024 của Toà án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 184/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1940
Địa chỉ: Xóm H, xã QT, huyện VB, tỉnh Nam Định
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975
Địa chỉ: Xóm Đ, thôn AD, xã ĐA, huyện VB, tỉnh Nam Định
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ, nghĩa vụ liên quan:*
+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980
+ Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1985
+ Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1985
Đều có địa chỉ tại: Xóm H, xã QT, huyện VB, tỉnh Nam Định

- Người đại diện theo ủy quyền của chị T và anh Ch: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1940; địa chỉ: Xóm H, xã QT, huyện VB, tỉnh Nam Định.

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 21-11-2023)

(Tại phiên tòa: Vắng mặt: Bà Bùi Thị L, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn Ch, chị Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, phía nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:*

Chồng bà là ông Nguyễn Văn Chuẩn (sinh năm 1932, chết ngày 25-12-2005). Bà và ông Chuẩn kết hôn với nhau từ năm 1970, quá trình chung sống vợ chồng bà sinh được 03 người con chung gồm: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975; Nguyễn Thị T, sinh năm 1980, Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1985.

Khi ông Chuẩn còn sống thì vợ chồng bà có khối tài sản chung là diện tích đất ở 234m^2 tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 08; địa chỉ của thửa đất: Xóm H, xã QT, huyện VB, tỉnh Nam Định; thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn Chuẩn cùng với bà Bùi Thị L. Trên thửa đất số 39 có 01 ngôi nhà mái bằng hai tầng do con trai bà là Nguyễn Văn Ch đi làm đưa tiền về xây cuối năm 2005, đang xây nhà thì chồng bà chết. Còn một số khoản nợ xây nhà thì do vợ chồng con trai bà là anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Thị S trả nợ.

Ông Chuẩn chết không để lại di chúc. Bố đẻ của ông Chuẩn là cụ Nguyễn Văn Cang, chết năm 1945 còn mẹ đẻ của ông Chuẩn là cụ Nguyễn Thị Còn, chết năm 1947. Ngoài 03 người con chung như bà đã trình bày thì ông Chuẩn không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Từ khi ông Chuẩn chết thì bà là người quản lý, sử dụng, nộp thuế đất và có cho vợ chồng người con gái thứ hai là Nguyễn Thị T ở cùng với bà. Còn lại chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Ch thì đều đã lập gia đình, có chỗ ở riêng.

Sau khi ông Chuẩn chết thì bà và các con đã nhiều lần họp thống nhất phân chia phần tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông Chuẩn để lại. Nhưng mẹ con bà không thống nhất được với nhau việc phân chia. Lý do vì chị Đào yêu cầu bà lập di chúc để lại thửa đất số 39 cho 03 con hoặc phải chia tách cho chị Đào 1/3 thửa đất số 39. Vì vậy, bà đã có đơn đề nghị Uỷ ban nhân dân xã Quang Trung hoà giải về việc tranh chấp trong việc phân chia tài sản thừa kế giữa bà và chị Đào. Uỷ ban nhân dân xã Quang Trung đã tổ chức hoà giải hai lần nhưng không thành.

Vì vậy, bà đã làm đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản xem xét, giải quyết như sau:

1. Phân chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Chuẩn để lại là 1/2 thửa đất số 39, tờ bản đồ số 08, diện tích 234 m^2; tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn Chuẩn cùng với bà Bùi Thị L; địa chỉ thửa đất: Xóm H, xã QT, huyện VB, tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật.

2. Đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế mà ông Chuẩn để lại cho bà bằng hiện vật là quyền sử dụng đất để bà được tiếp tục sử dụng toàn bộ thửa đất vì bà đã sinh sống ở trên thửa đất này từ năm 1970 đến nay, ngoài chỗ ở này ra thì bà không còn nơi ở nào khác và để bà làm nơi thờ cúng ông Chuẩn và các cụ tổ tiên.

3. Trường hợp nếu chị Đào đồng ý nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị thì bà đồng ý thanh toán giá trị thừa kế của chị Đào bằng tiền theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp nếu các con của bà được hưởng di sản thừa kế của ông Chuẩn để lại mà nếu có người con nào tặng cho bà thì bà xin nhận. Trường hợp nếu có ai yêu cầu bà phải thanh toán giá trị thừa kế của họ bằng tiền thì bà cũng đồng ý thanh toán giá trị thừa kế của họ bằng tiền theo đúng quy định của pháp luật.

5. Về tài sản trên đất của vợ chồng bà trước đây có 03 gian nhà cũ nhưng đã phá đi và đến nay không còn nữa thì bà không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Các tài sản, công trình trên đất hiện nay là của anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Thị S đã bỏ tiền ra xây dựng vào khoảng năm 2005. Nay anh Ch và chị Sinh giao lại cho bà quản lý, sử dụng và không yêu cầu bà phải thanh toán giá trị của các tài sản, công trình đó thì bà nhất trí và không có ý kiến gì.

6. Đối với ý kiến của chị Đào muốn nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và nhận đất để đó thì bà không đồng ý vì hiện nay mẹ con bà không nhìn mặt nhau, chị Đào gặp bà không chào, không hỏi, coi bà hơn người dưng. Nếu bà và chị Đào mà chung sống trên một thửa đất thì sẽ xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Bà còn sống thì bà thờ cúng ông bà tổ tiên và chồng bà còn khi bà chết đi thì bà sẽ giao lại cho con trai là anh Ch phụ trách việc thờ cúng. Hơn nữa, hiện nay chị Đào cũng đã có nhà riêng ở bên nhà chồng trên diện tích đất hơn 300m^2 tại thôn An Duyên, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

7. Tại phiên tòa bà Lan bổ sung yêu cầu Tòa án thanh toán cho bà bằng hiện vật (Bằng đất) về công sức bà đã trông coi, quản lý và nộp các khoản tiền thuế đất từ khi ông Chuẩn chết cho đến nay.

* Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Về mối quan hệ gia đình, ngày tháng năm chết của ông Chuẩn, cụ Cang, cụ Còn cũng như tài sản mà ông Chuẩn để lại là ½ thửa đất số 39, tờ bản đồ số 8 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Chuẩn thống nhất như bà Lan đã trình bày ở trên.

Bà Lan khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế của ông Chuẩn để lại thì quan điểm của chị về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản xem xét, giải quyết phân chia tài sản thừa kế của bố chị để lại là 1/2 diện tích đất ở 234 m^2 tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 08, tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn Chuẩn cùng với bà Bùi Thị L; địa chỉ thửa đất: Xóm H, xã QT, huyện VB, tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật. Chị xin được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, chị không đồng ý nhận di sản thừa kế bằng tiền. Chị nhận để đất đấy chứ chị không có ý định xây nhà trên phần đất được chia. Trường hợp chị được nhận di sản thừa kế

của bố chị bằng quyền sử dụng đất thì chị đề nghị Tòa án giao cho chị vị trí đất ở phía Tây của thửa đất số 39, giáp với hộ ông Nghiêm, trên đất không có tài sản.

Hiện nay chị đang cư trú và sinh sống ở Xóm Đ, thôn AD, xã ĐA, huyện VB, tỉnh Nam Định cùng chồng là ông Phùng Bá Yên và các con. Gia đình chị đã có nhà riêng khoảng 70m^2 trên diện tích đất hơn 300m^2.

2. Tài sản trên đất của bố mẹ chị trước đây có 03 gian nhà cũ nhưng năm 2005 đã phá đi để xây nhà và đến nay không còn nữa thì chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về các tài sản, công trình trên thửa đất số 39, tờ bản đồ số 8 hiện nay đúng như trong Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15-12-2023 đã thể hiện và đúng như bà Lan đã trình bày là do vợ chồng anh Ch, chị Sinh bỏ tiền ra xây dựng và trả nợ. Vì vậy, chị không đề nghị Tòa án xem xét về các tài sản, công trình trên đất.

4. Tại đơn phản tố ngày 18-10-2023, chị có đề nghị hai yêu cầu, gồm: Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Chuẩn để lại theo quy định của pháp luật và bồi thường thiệt hại về thời gian, ngày công làm việc của chị tại các buổi làm việc ở Uỷ ban nhân dân xã Quang Trung. Nhưng đến nay chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về yêu cầu thứ hai là bồi thường thiệt hại về thời gian, ngày công làm việc cho chị nữa.

5. Tại phiên toà: Chị Đào trình bày mục đích nhận đất của chị là để đấy, lý do là chị được quyền hưởng thừa kế đất ở của ông Chuẩn thì chị yêu cầu được nhận thừa kế bằng đất.

* Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Chung cùng trình bày: Về mối quan hệ gia đình, ngày tháng năm chết của ông Chuẩn, cụ Cang, cụ Còn; di sản thừa kế và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Chuẩn thống nhất như nguyên đơn, bị đơn đã trình bày và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Chuẩn để lại cho chị T và anh Ch bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, chị T và anh Ch tự nguyện tặng cho bà Bùi Thị L toàn bộ kỷ phần thừa kế mà chị T và anh Ch được hưởng, không yêu cầu bà Lan phải thanh toán bất cứ khoản tiền gì.

2. Tài sản trên đất của ông Chuẩn, bà Lan trước đây có 03 gian nhà cũ nhưng đã phá đi và đến nay không còn nữa. chị T và anh Ch không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay chị T đang sinh sống cùng với bà Lan trên thửa đất số 39 nhưng chị T không đóng góp gì và cũng không có tài sản gì trên thửa đất số 39.

3. Về các tài sản, công trình trên thửa đất số 39, tờ bản đồ số 8 hiện nay là của vợ chồng anh Ch đã bỏ tiền ra xây dựng vào khoảng năm 2005. Vợ chồng anh Ch tự nguyện giao cho bà Lan tiếp tục quản lý, sử dụng các tài sản trên đất và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị S trình bày: Về mối quan hệ gia đình, ngày tháng năm chết của ông Chuẩn, cụ Cang, cụ Còn; di sản thừa kế và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Chuẩn thống nhất như bà Lan, chị Đào, chị T, anh Ch đã trình bày ở trên và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về các tài sản, công trình xây dựng trên thửa đất số 39, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thửa đất: Xóm H, xã QT, huyện VB, tỉnh Nam Định hiện nay là của vợ chồng chị đã bỏ tiền ra xây dựng vào khoảng năm 2005. Vợ chồng chị tự nguyện giao cho bà Lan tiếp tục quản lý, sử dụng các tài sản trên đất và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại Biên bản thu thập chứng cứ ngày 15-12-2023, chính quyền địa phương cung cấp như sau: Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thửa đất: Xóm H, xã QT, huyện VB, tỉnh Nam Định có diện tích 234m^2 là của ông Nguyễn Văn Chuẩn và bà Bùi Thị L. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 598525 ngày 19-12-2005 đứng tên người sử dụng đất là Nguyễn Văn Chuẩn cùng với Bùi Thị L.

* Về giá trị của thửa đất: Căn cứ giá đất trên thị trường tại thời điểm định giá, diện tích đất 234m^2 x 600.000đ/m^2 = 140.400.000đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/TCDS-ST ngày 24/01/2024 của Toà án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 636 Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ các Điều 357; 468; 609; 610, 612, 613, 618, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 2 Luật người cao tuổi;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Bùi Thị L:

Công nhận thửa đất số 39, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thửa đất: Xóm H, xã QT, huyện VB, tỉnh Nam Định có diện tích 234m^2 đất ở là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Chuẩn và bà Bùi Thị L.

Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Chuẩn để lại là ½ diện tích 234m^2 đất ở = 117m^2 đất thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 8; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tên người sử dụng đất là Nguyễn Văn Chuẩn cùng với Bùi Thị L; địa chỉ thửa đất: Xóm H, xã QT, huyện VB, tỉnh Nam Định.

2. Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Ch cho bà Bùi Thị L, mỗi kỷ phần là 23,4m^2 đất ở x 600.000 đồng/m^2 = 14.040.000đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Đ về việc xin được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật (bằng đất).

4. Giao bà Bùi Thị L được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất ở 234m^2 thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 8; địa chỉ thửa đất tại Xóm H, xã QT, huyện VB, tỉnh Nam Định, có các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh phía Bắc tiếp giáp với thửa đất số 28 của hộ ông Hưng (Ngoan) dài 8,2m (1-2);

- Cạnh phía Nam có các đoạn gồm: Đoạn 1 dài 1,4m (3-4) giáp đất ông Pho; đoạn 2 giáp đất bà Tám có 02 đoạn: Đoạn 1 dài 0,1m (4-5); đoạn 2 dài 6,3m (5-6); đoạn 3 giáp đất ông Hải có 02 đoạn: đoạn 1 dài 3,3m (6-7); đoạn 2 dài 2,1m (7-8);

- Cạnh phía Đông tiếp giáp với thửa đất số 40 của hộ ông Kết dài 20,7 m (2-3);

- Cạnh phía Tây:

+ Tiếp giáp với đường làng dài 2,8m (8-9).

+ Tiếp giáp với thửa đất số 31 của hộ ông Nghiêm có các đoạn gồm: Đoạn 1 dài 7,2m (9-10); đoạn 2 dài 3,0m (10-11); đoạn 3 dài 6,3m (11-12); đoạn 4 dài 1,2m (12-13); đoạn 5 dài 5,5m (13-1).

(Có sơ đồ giao đất kèm theo).

Bà Bùi Thị L có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bà Bùi Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Đ số tiền 14.040.000 đồng mà chị Đào được hưởng từ di sản thừa kế của ông Chuẩn.

5. Chị Nguyễn Thị Đ được nhận từ bà Bùi Thị L số tiền 14.040.000 đồng (mười bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền di sản thừa kế chị được hưởng từ ông Chuẩn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 02 năm 2024, bị đơn là chị Nguyễn Thị Đ làm đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm: Chấp nhận chia cho chị được nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa số 39, tờ bản đồ số 8 tại xã Quang Trung, huyện Vụ Bản;

Buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại về ngày công làm việc chị đã nghỉ là 8 buổi x 190.000 đồng/1 ngày = 1.520.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự đều xin xử vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ và có đơn xin xử vắng mặt, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Đ được làm trong thời hạn luật định, do vậy được HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các đương sự đã được Tòa án giao giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã có đơn xin xử vắng mặt; căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo buộc nguyên đơn bồi thường thiệt hại về ngày công làm việc do phải tham gia quá trình giải quyết vụ án là 8 buổi x 190.000 đồng/1 ngày = 1.520.000 đồng. HĐXX nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 18/10/2023, chị Nguyễn Thị Đ có đơn phản tố đề nghị buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại về thời gian, ngày công làm việc của chị tại các buổi làm việc tại UBND xã Quang Trung và tại Tòa án; tuy

nhiên chị Đào đã rút yêu cầu trên. Do đó, cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết. Vì vậy, tại cấp phúc thẩm yêu cầu của chị Đào là vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm theo Điều 293 BLTTDS, hơn nữa việc tham gia tố tụng là quyền và nghĩa vụ của các đương sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị Đào không được HĐXX xem xét, giải quyết.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chia cho chị Đào được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là diện tích đất: HĐXX xét nguyện vọng nhận di sản thừa kế bằng hiện vật của các đương sự thì thấy: Theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, quy định về diện tích đất ở tối thiểu của thửa đất sau khi tách là 80m^2 và một cạnh tối thiểu là 4m nhưng thửa đất số 39, tờ bản đồ số 8 tại xóm Hội, xã Quang Trung, huyện Vụ Bản có diện tích 234m^2, di sản thừa kế của ông Chuẩn là 117m^2. Di sản thừa kế của ông Chuẩn được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Chuẩn gồm: Bà Lan, chị Đào, chị T, anh Ch và 01 suất trông coi, duy trì khối tài sản thừa kế của bà Lan. Như vậy di sản thừa kế của ông Chuẩn được chia thành 05 phần bằng nhau, cụ thể mỗi kỷ phần được chia là: 117m^2: 5 = 23,4m^2 đất ở là không đủ diện tích tối thiểu để được tách thửa. Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của vợ chồng ông Chuẩn, bà Lan tạo lập, bà Lan sinh sống trên đất từ năm 1970 đến nay; sau khi ông Chuẩn chết thì bà Lan vẫn quản lý, sử dụng, nộp thuế đất và thờ cúng ông Chuẩn. Bà Lan hiện đã cao tuổi, sức yếu, có hạn chế trong việc thay đổi chỗ ở. Bản thân chị Đào đã lập gia đình và hiện nay chị đang cư trú và sinh sống ở Xóm Đ, thôn AD, xã ĐA, huyện VB, tỉnh Nam Định cùng chồng là ông Phùng Bá Yên và các con. Gia đình chị đã có nhà riêng khoảng 70m^2 trên diện tích đất hơn 300m^2. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã giao cho bà Lan sử dụng toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 39, tờ bản đồ số 8 tại xã Quang Trung – Vụ Bản và có trách nhiệm thanh toán cho chị Đào giá trị kỷ phần thừa kế mà chị Đào được hưởng là 14.040.000 đồng là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Đ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận cho nên chị Nguyễn Thị Đ phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Đ; Giữ nguyên Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/TCDS-ST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị Đào đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000808 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Vụ Bản;
- Chi cục THADS huyện Vụ Bản;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

Nguyễn Anh Dũng

THẨM PHÁN	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Nguyễn Thành Công	**Nguyễn Đức Cảnh**

Nguyễn Anh Dũng

THẨM PHÁN		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Mai Anh Tuân	**Nguyễn Đức Cảnh**	**Nguyễn Anh Dũng**